*Thứ hai ngày 24 tháng 01 năm 2022*

**Tập đọc: TRÍ DŨNG SONG TOÀN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Hiểu ý nghĩa : Ca ngợi Giang Văn Minh trí dũng song toàn, bảo vệ được danh dự, quyền lợi đất nước ( Trả lời được các câu hỏi trong SGK) .

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:**

Giáo dục Hs có ý thức tự hào dân tộc.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Sách giáo khoa, tranh minh hoạ , bảng phụ viết sẵn đoạn văn cần luyện đọc
2. Học sinh: Sách giáo khoa

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức trò chơi"Hộp quà bí mật" bằng cách đọc và trả lời câu hỏi trong bài *"Nhà tài trợ đặc biệt của cách mạng."*  - Giáo viên nhận xét.  - Giới thiệu bài- ghi bảng |
| **2. Hoạt động luyện đọc: (12phút)**  *\* Mục tiêu:* - Rèn đọc đúng từ , đọc đúng câu, đoạn.  - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới.  - Đọc đúng các từ khó trong bài  *\* Cách tiến hành:* | |
| - HS đọc  - HS chia đoạn  *+ Đ 1:Từ đầu….cho ra lẽ.*  *+ Đ2 :Tiếp… để đền mạng Liễu Thăng*  *+ Đ3:Tiếp…sai người ám hại.*  *+ Đ4: Còn lại.*  - HS nghe  - HS đọc nối tiếp bài văn lần 1 kết hợp luyện đọc những từ ngữ khó: *thảm thiết, cúng giỗ, ngạo mạn.*  - HS nối tiếp nhau đọc lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.  - HS luyện đọc theo cặp mỗi em đọc 1 đoạn, sau đó đổi lại.  - 1 HS đọc lại cả bài trước lớp.  - HS theo dõi | - Cho 1 HS đọc toàn bài  - Cho HS chia đoạn  - GV kết luận chia đoạn: 4 đoạn  - Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm 2 lượt  - Đọc theo cặp.  - Học sinh đọc toàn bài  - GV đọc mẫu |
| **3. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)**  *\* Mục tiêu:* Hiểu ý nghĩa : Ca ngợi Giang Văn Minh trí dũng song toàn, bảo vệ được danh dự, quyền lợi đất nước ( Trả lời được các câu hỏi trong SGK) .  *\* Cách tiến hành:* | |
| - Nhóm trưởng điều khiển HS thảo luận, chia sẻ kết quả  - Ông vờ khóc than vì không có mặt ở nhà để cúng giỗ cụ tổ năm đời ...vua Minh bị mắc mưu nhưng vẫn phải bỏ lệ nước ta góp giỗ Liễu Thăng.  - Ông khôn khéo đẩy nhà vua vào tình thế thừa nhận sự vô lý bắy góp giỗ Liễu Thăng  - 2HS nhắc lại cuộc đối đáp.  - Vì vua Minh mắc mưu ông phải bỏ lệ góp giỗ Liễu Thăng. Vua Minh còn căm ghét ông vì ông dám lấy cả việc quân đội ba triều đại Nam Hán, Tống và Nguyên đều thảm bại trên sông Bạch Đằng để đối lại.  - Vì ông vừa mưu trí vừa bất khuất. Giữa triều đình nhà Minh, ông biết dùng mưu để buộc nhà Minh phải bỏ lệ góp giỗ Liều Thăng. Ông không sợ chết, dám đối lại bằng một vế đối tràn đầy lòng tự hào dân tộc.  - Bài văn ca ngợi sứ thần Giang Văn Minh trí dũng song toàn, bảo vệ được quyền lợi và danh dự của đất nước khi đi sứ nước ngoài.  - HS nghe | - Cho HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau đó báo cáo và chia sẻ kết quả:  + Sứ thần Giang Văn Minh làm cách nào để vua nhà Minh bãi bỏ lệ góp giỗ Liễm Thăng?  + Giang văn Minh đã khôn khéo như thế nào khi đẩy nhà vua vào tình thế phải bỏ lệ góp giỗ Liễu Thăng?  + Nhắc lại nội dung cuộc đối đáp giữa Giang văn Minh với đại thần nhà Minh?  + Vì sao vua nhà Minh sai người ám hại ông Giang Văn Minh?  + Vì sao có thể nói ông Giang Văn Minh là người trí dũng song toàn?  - Nội dung chính của bài là gì?    - GV nhận xét, kết luận |
| **4. Luyện đọc hay:(8 phút)**  *\* Mục tiêu:* Biết đọc diễn cảm bài văn, đọc phân biệt giọng của các nhân vật .  *\* Cách tiến hành:* | |
| - HS thi đọc.  - 5 HS đọc phân vai: người dẫn chuyện, Giang Văn Minh, vua nhà Minh, đại thần nhà Minh, vua Lê Thần Tông.  - HS đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS thi đọc phân vai. | - Cho 1 nhóm đọc phân vai.  - GV đưa bảng phụ đã ghi sẵn đoạn cần luyện và hướng dẫn HS đọc. |
| **5. Hoạt động ứng dụng:** (2phút) | |
| - Trao đổi với người thân về ý nghĩa câu chuyện “Trí dũng song toàn”. | - Câu chuyện "Trí dũng song toàn" ca ngợi sứ thần Giang Văn Minh với trí và dũng của mình đã bảo vệ được quyền lợi và danh dự của đất nước khi đi sứ nước ngoài. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Chính tả (Nghe- viết):** **TRÍ DŨNG SONG TOÀN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.

- Làm được bài tập 2a, bài 3a.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3.Phẩm chất:** Giáo dục học sinh ý thức rèn chữ, giữ vở.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Bút dạ và bảng nhóm.

- Học sinh: Vở viết.

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - HS thi viết  - HS nghe  - HS chuẩn bị vở | - Cho HS thi viết những từ ngữ có âm đầu *r/d/gi* .  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2.Hoạt động chuẩn bị viết chính tả:(7 phút)**  *\*Mục tiêu:*  - HS nắm được nội dung đoạn viết và biết cách viết các từ khó.  - HS có tâm thế tốt để viết bài.  *\*Cách tiến hành:* | |
| - Cả lớp theo dõi trong SGK.  - Kể về việc ông Giang Văn Minh khảng khái khiến vua nhà Minh tức giận, sai người ám hại ông. Vua Lê Thần Tông thương tiếc, ca ngợi ông  - HS đọc thầm | - GV đọc bài chính tả  -  *Đoạn chính tả kể về điều gì?*  - Cho HS đọc lại đoạn chính tả. |
| **3. HĐ viết bài chính tả. *(15 phút)***  *\*Mục tiêu:* Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.  (Lưu ý: *Theo dõi tốc độ viết của nhóm học sinh(M1,2))*  *\*Cách tiến hành:* | |
| - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả. | - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3. |
| **4. HĐ chấm và nhận xét bài *(3 phút)***  *\*Mục tiêu:* Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn.  *\*Cách tiến hành:* | |
| - Thu bài chấm  - HS nghe- | GV chấm 7-10 bài.  - Nhận xét bài viết của HS. |
| **5. HĐ làm bài tập: *(8 phút)***  *\* Mục tiêu:* Làm được bài tập 2a, bài 3a.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - HS đọc yêu cầu  - HS nghe  - HS làm bài vào bảng nhóm  - HS trình bày kết quả  + Giữ lại để dùng về sau : *để dành, dành dụm, dành tiền*  + Biết rõ, thành thạo: *rành, rành rẽ, rành mạch*  + Đồ đựng đan bằng tre, nứa, đáy phẳng, thành cao: *cái rổ, cái giành*  - 1 HS đọc to, lớp đọc thầm theo.  - HS làm bài theo nhóm. Mỗi nhóm 4 HS lần lượt lên điền âm đầu vào chỗ trống thích hợp.  + nghe cây lá *rì rầm*  + lá cây đang *dạo* nhạc  + Quạt *dịu* trưa ve sầu  + Cõng nước làm mưa *rào*  + Gió chẳng bao *giờ* mệt!  + Hình *dáng* gió thế nào. | **Bài 2a: *HĐ nhóm***  - Cho HS đọc yêu cầu của BT.  - GV giao việc  - Cho HS làm bài.  - Cho HS trình bày kết quả bài làm.  **Bài 3: *HĐ trò chơi***  a) Cho HS đọc yêu cầu và đọc bài thơ.  - Cho HS làm bài. GV hướng dẫn cho HS làm bài theo hình thức thi tiếp sức.  - GV nhận xét kết quả và chốt lại ý đúng. |
| **6. Hoạt động ứng dụng**:(2phút) | |
| - HS tìm:  + Dụng cụ dùng để chặt, gọt, đẽo: dao  + Tiếng mời gọi mua hàng: tiếng rao  + Cành lá mọc đan xen vào nhau: rậm rạp | - Tìm các từ chứa tiếng bắt đầu bằng r/d/gi có nghĩa như sau:  + Dụng cụ dùng để chặt, gọt, đẽo.  + Tiếng mời gọi mua hàng.  + Cành lá mọc đan xen vào nhau. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG) EM** (***Tiết 1***)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Bước đầu biết vai trò quan trọng của Uỷ ban nhân dân ( UBND) xã (phường) đối với cộng đồng.

- Biết được trách nhiệm của mọi người dân là phải tôn trọng UBND xã (phường).

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

**3. Phẩm chất:** Có ý thức tôn trọng UBND xã (phường).

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. GV:** - SGK, VBT.

**2. HS: -** Phiếu học tập cá nhân

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS hát  - HS ghi vở | - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Bước đầu biết vai trò quan trọng của Uỷ ban nhân dân ( UBND) xã (phường) đối với cộng đồng.  - Biết được trách nhiệm của mọi người dân là phải tôn trọng UBND xã (phường).  - Kể được một số công việc của UBND xã (phường) đối với trẻ em trên địa phương.  *\* Cách tiến hành:*   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | .  - HS đọc cho cả lớp nghe, cả lớp đọc thầm và theo dõi bạn đọc.  - HS thảo luận trả lời các câu hỏi :  1. Bố dẫn Nga đến UBND phường để làm giấy khai sinh.  2. Ngoài việc cấp giấy khai sinh, UBND phường, xã còn làm nhiều việc: xác nhận chỗ ở, quản lý việc xây dựng trường học, điểm vui chơi cho trẻ em.  3. UBND phường, xã có vai trò vô cùng quan trọng vì UBND phường, xã là cơ quan chính quyền, đại diện cho nhà nước và pháp luật bảo vệ các quyền lợi của người dân địa phương.  4. Mọi người cần có thái độ tôn trọng và có trách nhiệm tạo điều kiện, và giúp đỡ để UBND phường, xã hoàn thành nhiệm vụ.  ***-***HS đọc BT1  - HS lắng nghe, giơ các thẻ: mặt cười nếu đồng ý đó là việc cần đến UBND phường, xã để giải quyết. Mặt mếu nếu là việc không cần phải đến UBND để giải quyết, các HS góp ý kiến trao đổi để đi đến kết quả.  - HS nhắc lại các ý : b, c , d, đ, e, h, i.  - Đọc phần ghi nhớ  - HS làm việc cặp đôi, thảo luận và sắp xếp các hành động, việc làm sau thành 2 nhóm: hành vi phù hợp và hành vi không phù hợp.   |  |  | | --- | --- | | Phù hợp | **Không phù hợp** | | Các câu 2, 4, 5, 7, 8, 9, 10 | Các câu 1, 3, 6. |   + HS nhắc lại các câu ở cột phù hợp.  + HS nhắc lại các câu ở cột không phù hợp. Nêu lí do, chẳng hạn: cản trở công việc, hoạt động của UBND phường, xã. | HĐ 1: *Tìm hiểu truyện “ Đến uỷ ban nhân dân phường”*  1. Bố dẫn Nga đến UBND phường để làm gì?  2. Ngoài việc cấp giấy khai sinh, UBND phường, xã còn làm những việc gì?  3. Theo em, UBND phường, xã có vai trò như thế nào? vì sao? ( GV gợi ý nếu HS không trả lời được: công việc của UBND phường, xã mang lại lợi ích gì cho cuộc sống người dân)  4. Mọi người cần có thái độ như thế nào đối với UBND phường, xã.  - GV giới thiệu sơ qua về UBND xã nơi HS cư trú HĐ 2 : *Tìm hiểu về hoạt động của UBND qua BT số 1*  - GV đọc các ý trong bài tập để HS bày tỏ ý kiến. Tổ chức cho HS góp ý, bổ sung để đạt câu trả lời chính xác.  **HĐ 3** *: Thế nào là tôn trọng UBND phường, xã*  - Gọi HS đọc các hành động, việc làm có thể có của người dân khi đến UBND xã, phường.  1. Nói chuyện to trong phòng làm việc.  2. Chào hỏi khi gặp cán bộ phường , xã.  3. Đòi hỏi phải được giải quyết công việc ngay lập tức.  4. Biết đợi đến lượt của mình để trình bày yêu cầu.  5. Mang đầy đủ giấy tờ khi được yêu cầu.  6. Không muốn đến UBND phường giải quyết công việc vì sợ rắc rối, tốn thời gian.  7. Tuân theo hướng dẫn trình tự thực hiện công việc.  8. Chào hỏi xin phép bảo vệ khi được yêu cầu.  9. Xếp hàng theo thứ tự khi giải quyết công việc.  10. Không cộng tác với cán bộ của UBND để giải quyết công việc | | **3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)** | | | - HS nghe và thực hiện | - HS về nhà tìm hiểu và ghi chép lại kết quả các việc sau:  1. Gia đình em đã từng đến UBND phường, xã để làm gì? Để làm việc đó cần đến gặp ai?  2. Liệt kê các hoạt động mà UBND phường, xã đã làm cho trẻ em.  - Nhận xét giờ học,giao bài về nhà | | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học: NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Nêu ví dụ về việc sử dụng năng lượng mặt trời trong đời sống và sản xuất: chiếu sáng, sưởi ấm, phơi khô, phát điện,…

.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3.Phẩm chất:** Có ý thức quan sát và biết tận dụng nguồn năng lượng mặt trời

**II. CHUẨN BỊ**

**1.** GV: Bảng phụ, các hình minh hoạ trong SGK

**2**.HS : SGK

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - Cho HS hát  - Khi ăn chúng ta có cần tới năng lượng không ?  - GV nhận xét đánh giá  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - Cần năng lượng để thực hiện các động tác ăn như: cầm bát, đưa thức ăn lên miệng, nhai.  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)**  *\* Mục tiêu:* Nêu ví dụ về việc sử dụng năng lượng mặt trời trong đời sống và sản xuất: chiếu sáng, sưởi ấm, phơi khô, phát điện,…  *\* Cách tiến hành:* | | |
| - HS thảo luận  - HS thảo luận đi đến kết quả thống nhất  - Mặt Trời cung cấp cho Trái Đất  năng lượng ở dạng ánh sáng và nguồn  nhiệt  - Con người sử dụng năng lượng mặt trời để học tập vui chơi, lao động.  - Năng lượng mặt trời giúp con người ta luôn khoẻ mạnh. Nguồn nhiệt do  mặt trời cung cấp cho không thể thiếu  đối với cuộc sống con người...  - Nếu không có năng lượng mặt trời, thời tiết và khí hậu sẽ có những thay đổi lớn  + không có gió  + Không có mưa  + Nước sẽ ngừng chảy và đóng băng  + ..Giúp cây xanh quang hợp...  - Đại diện các nhóm lên trình bày chỉ hình và nêu tên của những hoạt động, những loại máy móc được minh hoạ ..  + Tranh vẽ người đang tắm biển  + Tranh vẽ con người đang phơi cà phê, năng lượng mặt trời dùng để sấy khô..  + ảnh chụp các tấm pin mặt trời của tàu vũ trụ.  + ảnh chụp cánh đồng muối nhờ có năng lượng mặt trời mà hơi nước bốc hơi tạo ra muối   * Hai đội tham gia (mỗi đội khoảng 5 HS). * Hai nhóm lên ghi những vai trò, ứng dụng của mặt trời đối với sự sống trên Trái Đất đối với con người. | | ***Hoạt động1:*** *Tác dụng của năng lượng mặt trời trong tự nhiên*  - GV viết nội dung thảo luận trên bảng phụ:  + Mặt trời cung cấp năng lượng cho Trái đất ở những dạng nào?  + Nêu vai trò của Mặt trời đối với sự sống của con người?  + Nêu vai trò của năng lượng mặt trời đối với thời tiết và khí hậu?  + Năng lượng mặt trời có vai trò gì đối với thực vật, động vật?  ***Hoạt động2 :*** *Sử dụng năng lượng trong cuộc sống*  - GV Yêu cầu HS quan sát thảo luận  - Sau 3 phút thảo luận các nhóm cử đại diện nhóm có ý kiến  - Các nhóm khác nhận xét và bổ sung  - GV kết luận  ***Hoạt động 3:*** *Vai trò của năng lượng mặt trời*  ***-*** Cho HS nêu lại vai trò của năng lượng mặt trời qua trò chơi:   * GV vẽ hình mặt trời lên bảng.   … Chiếu sáng  … Sưởi ấm  - GV nhận xét, tuyên dương |
| **3.Hoạt động ứng dụng**:(2 phút) | | |
| - HS nghe và thực hiện | | - Về nhà chia sẻ với mọi người cần sử dụng năng lượng mặt trời vào thực tế cuộc sống hằng ngày. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Thứ ba ngày 25 tháng 01 năm 2022

**Luyện từ và câu**: **MỞ RỘNG VỐN TỪ: CÔNG DÂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Làm được bài tập 1, 2 .

- Viết được đoạn văn về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của mỗi công dân theo yêu cầu của BT3 .

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3.Phẩm chất:** Giáo dục HS làm theo lời Bác, mỗi công dân phải có trách nhiệm bảo vệ đất nước.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ
2. Học sinh: Vở viết, SGK , từ điển

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS thi đặt câu  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS thi đặt câu có cặp quan hệ từ  - Nhận xét.  - Giới thiệu bài: ghi đề bài | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Làm được bài tập 1, 2 .  - Viết được đoạn văn về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của mỗi công dân theo yêu cầu của BT3  *\* Cách tiến hành:* | | |
| - 1 HS đọc to, lớp lắng nghe.  - HS làm bài  - Chia sẻ kết quả  + Các cụm từ: *Nghĩa vụ công dân, quyền công dân, ý thức công dân, bổn phận công dân, danh dự công dân, công dân gương mẫu, công dân danh dự*  - 1 HS đọc to, lớp lắng nghe.  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả  - Lớp nhận xét | | **Bài 1: *HĐ cá nhân***  - Cho HS đọc yêu cầu của BT.  - Yêu cầu HS làm bài  - Cho HS trình bài kết quả.  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 2: *HĐ cá nhân***  - Cho HS đọc yêu cầu của BT + Đọc nghĩa đã cho ở cột A, đọc các từ đã cho ở cột B.  - Cho HS làm bài. GV gắn bảng phụ đã kẻ sẵn cột A, cột B.  - Cho HS trình bài kết quả.  - GV nhận xét và chốt lại kết quả đúng |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | A |  | B | | Điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho người dân được hưởng, được làm, được đòi hỏi. | *Nghĩa vụ công dân* | | Sự hiểu biết về nghĩa vụ và quyền lợi của người dân đối với đất nước. | *Quyền công dân* | | Việc mà pháp luật hay đạo đức bắt buộc người dân phải làm đối với đất nước, đối với người khác. | *Ý thức công dân* | | | |
| + Các doanh nghiệp phải nộp thuế cho nhà nước vì đó là nghĩa vụ công dân.  + Câu chuyện “Tiếng rao đêm” làm thức tỉnh ý thức công dân của mỗi người.  + Mỗi người dân đều có quyền công dân của mình.  - 1HS đọc to, lớp lắng nghe.  - HS làm việc cá nhân.  - Một số HS đọc đoạn văn mình đã viết.  - Lớp nhận xét  \* Ví dụ: *Mỗi người dân việt Nam cần làm tròn bổn phận công dân để xây dựng đất nước. Chúng em là những công dân nhỏ tuổi cũng có bổn phận của tuổi nhỏ. Tức là phải luôn cố gắng học tập, lao động và rèn luyện đạo đức để trở thành người công dân tốt sau này* | | - Yêu cầu HS đặt câu với mỗi cụm từ  **Bài 3: *HĐ cá nhân***  - Cho HS đọc yêu cầu của BT.  - Cho HS làm bài  - Cho HS trình bài kết quả.  - GV nhận xét chữa bài |
| **3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)** | | |
| .- HS nêu: công danh | | - Từ nào dưới đây không phải chỉ người ?  Công chức, công danh, công chúng, công an |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kể chuyện:KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Kể được một câu chuyện về việc làm của những công dân nhỏ thể hiện ý thức bảo vệ công trình công cộng, các di tích lịch sử -văn hoá, hoặc một việc làm thể hiện ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ hoặc một việc làm thể hiện lòng biết ơn các thương binh, liệt sĩ.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3.Phẩm chất:** Giáo dục Hs có ý thức bảo vệ các công trình công cộng.

**II. CHUẨN BỊ**

1.Giáo viên: SGK, bảng phụ, tranh ảnh các hoạt động bảo vệ công trình công cộng, di tích lịch sử- văn hoá .

2.Học sinh: Sách giáo khoa,vở viết, các câu chuyện,...

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động Khởi động** (3’) | |
| - HS kể  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS kể lại câu chuyện đã được nghe hoặc được đọc về những tấm gương sống, làm việc theo pháp luật, theo nếp sống văn minh.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi vở |
| **2.Hoạt động tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:** (8’)  *\* Mục tiêu:* Chọn được câu chuyện đã nghe, đã đọc về việc làm của những công dân nhỏ thể hiện ý thức bảo vệ công trình công cộng, các di tích lịch sử -văn hoá, hoặc một việc làm thể hiện ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ hoặc một việc làm thể hiện lòng biết ơn các thương binh, liệt sĩ.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - HS đọc đề bài  Đề bài:  *1. Kể một việc làm của những công dân nhỏ tuổi thể hiện ý thức bảo vệ các công trình công cộng, các di tích lịch sử- văn hoá.*  *2. Kể một việc làm thể hiện ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ.*  *3. Kể một việc làm thể hiện lòng biết ơn các thương binh liệt sĩ .*  - Học sinh đọc gợi ý SGK.  - Học sinh nối tiếp nhau giới thiệu câu chuyện mình kể (đã chuẩn bị ở nhà).  - Học sinh lập nhanh dàn ý cho câu chuyện. | ***\* Hoạt động:*** *Tìm hiểu đề.*  - Giáo viên chép 3 đề lên bảng.  - Hướng dẫn HS phân tích đề  - Giáo viên gạch chân những từ ngữ quan trọng trong để.  - Cho HS đọc gợi ý SGK  - Yêu cầu HS giới thiệu câu chuyện mình định kể  - Cho HS lập dàn ý |
| **3. Hoạt động thực hành kể chuyện:(23 phút)**  *\* Mục tiêu:* Kể được một câu chuyện về việc làm của những công dân nhỏ thể hiện ý thức bảo vệ công trình công cộng, các di tích lịch sử -văn hoá, hoặc một việc làm thể hiện ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ hoặc một việc làm thể hiện lòng biết ơn các thương binh, liệt sĩ.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - Từng cặp học sinh kể cho nhau nghe và trao đổi ý nghĩa câu chuyện.  - Các nhóm cử đại diện thi kể, đối thoại nhau về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.  - Lớp nhận xét. | ***\* Hoạt động:*** *Thực hành kể và trao* đổi ý nghĩa câu chuyện.  a) Kể theo nhóm.  - Giáo viên quan sát, uốn nắn từng nhóm.  b) Thi kể trước lớp.  - Giáo viên nhận xét và đánh giá |
| **3. Hoạt động ứng dụng** (3’) |  |
| - HS nghe  - HS nghe và thực hiện | - Chia sẻ với mọi người về ý thức bảo vệ công trình công cộng, các di tích lịch sử -văn hoá, chấp hành an toàn giao thông. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**: **LUYỆN TẬP VỀ TÍNH DIỆN TÍCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:** - Tính diện tích một số hình được cấu tạo từ các hình đã học.

- HS làm bài 1.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:**

- HS yêu thích phần hình học của môn toán

**II. CHUẨN BỊ**

**1.Giáo viên:** Bảng phụ, SGK.

**2.** **Học sinh:** Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| -HS chơi trò chơi  Shcn  = a x b Stam giác = a x h : 2    S vuông = a x a S thang = (a + b ) x h : 2  (Các số đo phải cùng đơn vị )  - HS nhận xét  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với nội dung là nêu công thức tính diện tích một số hình đã học: Diện tích hình tam giác, hình thang, hình vuông, hình chữ nhật.  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)**  *\*Mục tiêu:* Tính diện tích một số hình được cấu tạo từ các hình đã học.  *\*Cách tiến hành:* | |
| - HS quan sát  - 1 HS đọc  - HS thảo luận  - Chưa có công thức nào để tính được diện tích của mảnh đất đó.    - Ta phải chia hình đó thành các phần nhỏ là các hình đã có trong công thức tính diện tích  - HS nghe  - HS nhắc lại | *\*Hướng dẫn học sinh thực hành tính diện tích của một số hình trên thực tế.*  - GV treo bảng phụ có vẽ sẵn hình minh hoạ trong ví dụ ở SGK (trang 103)  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS thảo luận tìm ra cách tính diện tích của hình đó.  - HS có thể thảo luận theo câu hỏi:  + Có thể áp dụng ngay công thức tính để tính diện tích của mảnh đất đã cho chưa?  *+* Muốn tính diện tích mảnh đất này ta làm thế nào?  - GV nhận xét, kết luận  - Yêu cầu HS nhắc lại. |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)***  *\*Mục tiêu:* HS làm bài tập 1  (Lưu ý: *Nhắc nhở nhóm HS M1,2 hoàn thành các bài tập theo yêu cầu)*  *\*Cách tiến hành:* | |
| - HS thực hiện yêu cầu  -HS làm vào vở, chia sẻ kết quả  *Bài giải*  Chia mảnh đất thành 2 hình chữ nhật ABCI và FGDE  Chiều dài của hình chữ nhật ABDI là:  3,5 + 3,5 + 4,2 = 11,2 (m)  Diện tích hình chữ nhật ABDI là:  3,5 x 11,2 = 39,2 (m2)  Diện tích hình chữ nhật FGDE là:  4,2 x 6,5 = 27,3 (m2)  Diện tích khu đất đó là:  39,2 + 27,3 = 66,5 (m2)  Đáp số: 66,5m2  - HS đọc bài  - HS làm bài, báo cáo giáo viên | **Bài 1: *HĐ cá nhân***  - Gọi 1 HS đọc đề bài. Xem hình vẽ.  - Yêu cầu HS làm bài.  - GV nhận xét, chữa bài.      **Bài 2(Bài tập chờ): *HĐ cá nhân***  - Cho HS tự làm bài vào vở  - GV hướng dẫn HS:  + Có thể chia khu đất thành 3 hình chữ nhật rồi tính diện tích từng hình, sau đó cộng kết quả với nhau. |
| **4. Hoạt động ứng dụng**:(2 phút) | |
| - Chia sẻ kiến thức về tính diện tích một số hình được cấu tạo từ các hình đã học với mọi người. | - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**--------------------------------------------------------**

**Lịch sử: NƯỚC NHÀ BỊ CHIA CẮT**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Biết đôi nét về tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ- ne- vơ năm 1954:

+ Miền Bắc được giải phóng, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Mĩ-Diệm âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, tàn sát nhân dân miền Nam, nhân dân ta phải cầm vũ khí đứng lên chống Mĩ -Diệm; thực hiện chính sách “tố cộng”, “diệt cộng”, thẳng tay giết hại những chiến sĩ cách mạng và những người dân vô tội.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn

**3.Phẩm chất**: Giáo dục Hs có ý thức biết ơn các anh hùng, liệt sĩ.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.** **GV:**

+ Bản đồ hành chính Việt Nam

+ Phiếu học tập của HS.

**2. HS:** SGK, vở

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| - HS hát  - HS thực hiện  - HS ghi vở | - Cho HS hát  - Kiểm ta sự chuẩn bị của học sinh  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)**  *\* Mục tiêu:* Biết đôi nét về tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ- ne- vơ năm 1954. Chỉ giới tuyến quân sự tạm thời trên bản đồ  *\* Cách tiến hành:* | |
| - HS đọc SGK tìm hiểu các câu hỏi  + Hiệp thương: tổ chức hội nghị đại biểu 2 miền Bắc Nam để bàn về việc thống nhất đất nước  + Hiệp định: Văn bản ghi lại những nội dung do các bên liên quan kí  + Tổng tuyển cử: Tổ chức bầu cử trong cả nước.  + Tố cộng: Tố cáo bôi nhọ những người cộng sản, ...  + Diệt cộng: tiêu diệt những người Việt cộng  + Thảm sát: Giết hại hàng loạt chiến sĩ cách mạng và đồng bào ...  - Hiệp định Giơ-ne-vơ là hiệp định Pháp phải kí với ta sau khi chúng thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ. Hiệp định kí ngày 21- 7- 1954  - Hiệp định công nhận chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Theo hiệp định, sông Bến Hải làm giới tuyến phân chia tạm thời hai miền Nam Bắc. Quân Pháp sẽ rút khỏi miền Bắc, chuyển vào Nam...  - Hiệp định thể hiện mong muốn độc lập tự do và thống nhất đất nước của dân tộc ta.  - HS trả lời  - HS thảo luận nhóm các câu hỏi  - Mĩ âm mưu thay chân Pháp xâm lược miền Nam VN  - Lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm  - Ra sức chống phá lực lượng cách mạng.  - Khủng bố dã man những người đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước.  - Thực hiện chính sách “tố cộng” và “diệt cộng”  - Đồng bào ta bị tàn sát, đất nước ta bị chia cắt lâu dài.  - Chúng ta lại tiếp tục đứng lên cầm súng chống đế quốc Mĩ và tay sai.  - HS báo cáo kết quả. | **\**Hoạt động 1:*** *Nội dung hiệp định Giơ - ne- vơ*  - GV yêu cầu HS đọc SGK và tìm hiểu các câu hỏi  + Tìm hiểu các khái niệm: hiệp thương, hiệp định, tổng tuyển cử, tố cộng, diệt cộng, thảm sát.  + Tại sao có hiệp định Giơ - ne- vơ?  + Nội dung cơ bản của hiệp định Giơ - ne - vơ là gì?  + Hiệp định thể hiện mong ước gì của nhân dân ta?  - GV tổ chức cho HS trình bày ý kiến về các vấn đề nêu trên  ***Hoạt động 2:*** *Vì sao nước ta bị chia cắt thành 2 miền Nam - Bắc*  - Gv tổ chức cho HS làm việc theo nhóm  + Mĩ có âm mưu gì?  + Những việc làm của đế quốc Mĩ đã gây hậu quả gì cho dân tộc?  + Muốn xoá bỏ nỗi đau chia cắt, dân tộc ta phải làm gì?  - GV tổ chức HS báo cáo kết quả  - GV nhận xét, kết luận |
| **3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Cùng bạn nói cho nhau nghe những điều em biết về hiệp định Giơ - ne – vơ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kĩ thuật: VỆ SINH PHÒNG BỆNH CHO GÀ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Nêu được mục đích, tác dụng và một số cách vệ sinh phòng bệnh cho gà.

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

**3. Phẩm chất:** Giáo dục Hs có ý thức bảo vệ, chăm sóc vật nuôi.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.** Giáo viên:SGK, phiếu

**2.**Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS hát  - Chăm sóc gà nhằm giúp gà khỏe mạnh, mau lớn và có sức chống bệnh tốt.  - Khi chăm sóc gà cần chú ý sưởi ấm cho gà con, chống nóng, chống rét và phòng ngộ độc thức ăn cho gà.  - HS ghi vở | - Cho HS hát, trả lòi câu hỏi:  + Chăm sóc gà nhằm mục đích gì?  + Khi chăm sóc gà cần chú ý điều gì?  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Nêu được mục đích, tác dụng và một số cách vệ sinh phòng bệnh cho gà.  - Biết liên hệ thực tế để nêu một số cách phòng bệnh cho gà ở gia đình hoặc địa phương.  *\* Cách tiến hành:* | | |
| * 1,2 HS đọc * HS trả lời theo cách hiểu * HS lắng nghe * Tiêu diệt vi trùng, kí sinh trùng (giun, sán) gây bệnh. Giúp gà tăng sức chống bệnh, tránh sự lây lan. * Giúp cho gà có sức khỏe tốt, phát triển nhanh… * HS lắng nghe     -1-2 HS đọc  - Các nhóm thảo luận  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  1.Dụng cụ ăn uống của gà bao gồm: máng ăn, máng uống.Thức ăn, nước uống của gà được cho vào máng để đảm bảo vệ sinh và tránh bị rơi vãi.  2.Thức ăn, nước uống của gà được đựng trực tiếp trong máng nên máng ăn, máng uống cần được cọ rửa thường xuyên để làm sạch vi trùng và các chất bẩn trong đó. Nếu không cọ rửa sạch sẽ thì vi trùng và các chất cặn bẩn sẽ theo thức ăn vào cơ thể và gây bệnh đường tiêu hóa, bệnh giun sán cho gà.  - HS lắng nghe   * Là nơi ở của gà, giúp chống nóng, chống rét… * HS nhớ lại và trả lời * Hằng ngày phải dọn sạch phân gà ở chuồng gà. Rửa sạch tấm hứng phân rồi phơi khô. Phun thuốc sát trùng. * Chuồng nuôi luôn sạch sẽ, khô ráo. Tiêu diệt được vi trùng gây bệnh.   + Cúm gia cầm H5N1, cúm gà, gà rù  + Nhỏ thuốc vào mũi... Tiêm dưới cánh, cổ…  + Nhỏ thuốc phòng và tiêm phòng. Vệ sinh phòng bệnh cho gà.   * HS lắng nghe   - 2 HS đọc ghi nhớ.  - HS làm vào vở bài tập  - HS đối chiếu và tự đánh giá kết quả  - HS theo dõi, nhận xét  - 1-2 HS nhắc lại  - 1HS đọc ghi nhớ | | **Hoạt động 1**:*Mục đích, tác dụng của việc phòng bệnh cho gà*   * Yêu cầu HS đọc nội dung mục 1 SGK-T43 và đặt câu hỏi:   - GV nói: Những công việc trên được gọi chung là vệ sinh phòng bệnh cho gà. Vậy thế nào là vệ sinh phòng bệnh cho gà?  - GV: Những công việc được thực hiện nhằm giữ cho dụng cụ ăn uống, nơi ở, thân thể của vật nuôi luôn sạch sẽ và giúp cho vật nuôi có sức chống bệnh tốt được gọi chung là vệ sinh phòng bệnh.  - Vệ sinh phòng bệnh cho gà nhằm mục đích gì?  - Tác dụng của việc vệ sinh phòng bệnh cho gà?  - GV chốt: Vệ sinh phòng bệnh cho gà nhằm tiêu diệt vi trùng gây bệnh, làm cho không khí chuồng nuôi sạch sẽ giúp cơ thể gà tăng sức chống bệnh. Nhờ đó gà khỏe, ít bệnh đường ruột, đường hô hấp và các bệnh dịch.  **Hoạt động 2**: *Tìm hiểu cách vệ sinh phòng bệnh cho gà*   * 1. *Vệ sinh dụng cụ cho gà ăn, uống*   - Yêu cầu HS đọc nôi dung mục 2a SGK – T43  - Thảo luận nhóm(2 bàn) và trả lời phiếu câu hỏi:  1.Kể tên các dụng cụ ăn uống và nêu cách vệ sinh dụng cụ cho gà ăn, uống?  2.Vệ sinh dụng cụ cho gà ăn uống có tác dụng gì?  - Thời gian thảo luận: 3 phút  - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, chốt lại:  + Hằng ngày cần phải thay nước trong máng và cọ rửa máng để nước trong máng luôn sạch sẽ.  + Sau 1 ngày nếu thức ăn của gà vẫn còn trong máng, cần vét sạch để cho thức ăn mới vào. Không để thức ăn lâu ngày trong máng.   * 1. *Vệ sinh chuồng nuôi*   + Yêu cầu HS nhắc lại tác dụng của chuồng nuôi gà?  + Nêu tác dụng của không khí đối với đời sống động vật?  + Vệ sinh chuồng nuôi như thế nào?  + Nêu tác dụng cảu vệ sinh chuồng nuôi?  GV nhận xét, chốt lại   * 1. *Tiêm, nhở thuốc phòng dịch bệnh cho gà*   - Yêu cầu HS đọc mục 2c và trả lời câu hỏi:  + Gà thường mắc bệnh gì?  + Vị trí tiêm và nhỏ thuốc phòng dịch bệnh cho gà?  + Phòng dịch bệnh cho gà bằng cách nào?  - GV chốt:Vệ sinh phòng bệnh cho gà cần làm những việc sau:  + Vệ sinh dụng cụ cho gà ăn, uống  + Vệ sinh chuồng nuôi  + Tiêm phòng và nhỏ thuốc cho gà   * Yêu cầu HS đọc ghi nhớ SGK-T44   **Hoạt động 3**: *Đánh giá kết quả học tập*  -Yêu cầu HS làm bài tập 2,3  - GV nêu đáp án để HS tự đối chiếu, tự đánh giá kết quả.  - Mời HS báo cáo kết quả tự đánh giá  - GV nhận xét |
| **3.Hoạt động ứng dụng:(**2 phút) | | |
| - HS trả lời**+** | | Vệ sinh phòng bệnh cho gà có tác dụng gì? |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Thứ tư ngày 26 tháng 01 năm 2022

**Tập đọc: TIẾNG RAO ĐÊM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Hiểu ý nghĩa: Ca ngợi hành động dũng cảm cứu người của anh thương binh.(Trả lời được các câu hỏi 1,2,3).

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3.Phẩm chất:** Giáo dục Hs có ý thức biết ơn thương binh, liệt sĩ.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.** Giáo viên: + Tranh minh họa SGK

+ Bảng phụ ghi sẵn câu văn cần luyện đọc

**2.**Học sinh: Sách giáo khoa

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - HS thi đọc  - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở | - Học sinh thi đọc bài *“Trí dũng song toàn”*  - Em học được điều gì qua bài tập đọc?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động luyện đọc: (12phút)**  *\* Mục tiêu:* - Rèn đọc đúng từ , đọc đúng câu, đoạn.  - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới.  - Đọc đúng các từ khó trong bài  *\* Cách tiến hành:* | |
| - 1 học sinh đọc tốt đọc toàn bài.  - HS chia đoạn  - HS nghe  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc 2 lần:  + Lần 1: 4 học sinh nối tiếp nhau đọc bài lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó.  + Lần 2: 4 học sinh nối tiếp nhau đọc bài lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.  - Học sinh luyện đọc theo cặp.  - HS đọc toàn bài  - HS theo dõi | - Học sinh đọc toàn bài.  - Cho HS chia đoạn  - GV nhận xét, kết luận: chia bài thành 4 đoạn như sau.  *Đoạn 1: Từ đầu đến buồn não ruột.*  *Đoạn 2: Tiếp đến khói bụi mịt mù.*  *Đoạn 3: Tiếp đến một cái chân gỗ.*  *Đoạn 4: Phần còn lại*  - Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm  - Đọc theo cặp  - Một em đọc toàn bài.  - Giáo viên đọc diễn cảm toàn bài. |
| **3. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)**  *\* Mục tiêu:* Hiểu ý nghĩa: Ca ngợi hành động dũng cảm cứu người của anh thương binh.(Trả lời được các câu hỏi 1,2,3).  *\* Cách tiến hành:* | |
| - HS thảo luận  - Đám cháy xảy ra vào lúc nửa đêm.  - Ngôi nhà bốc lửa phừng phừng, tiếng kêu cứu thảm thiết, khung cửa ập xuống, khói bụi mịt mù.  - Người cứu em bé là người bán bánh giò, là một thương binh nặng, chỉ còn 1 chân, khi rời quân ngũ làm nghề bán bánh giò nhưng anh có một hành động cao đẹp dũng cảm dám xả thân, lao vào đám cháy cứu người.  - Chi tiết: người ta cấp cứu cho người đàn ông, bất ngờ phát hiện ra anh có một cái chân gỗ. mới biết anh là người bán bánh giò.  - Mọi công dân cần có ý thức giúp đỡ mọi người, cứu người khi gặp nạn.  - Đại diện các nhóm báo cáo  - Các nhóm bổ sung  - HS nghe  - Học sinh đọc lại. | - Cho HS thảo luận nhóm theo câu hỏi trong SGK  1. Đám cháy xảy ra vào lúc nào?  2. Đám cháy miêu tả như thế nào?  3. Người đã dũng cảm cứu em bé là ai? Con người và hành động có gì đặc biệt?  4. Chi tiết nào trong câu chuyện gây bất ngờ cho người đọc?  5. Câu chuyện trên gợi cho em suy nghĩ gì về trách nhiệm công dân của mỗi người trong cuộc sống ?  - Cho HS báo cáo  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận  - Giáo viên tóm tắt nội dung chính. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm:(8 phút)**  *\* Mục tiêu:* Biết đọc diễn cảm bài văn, giọng đọc thay đổi linh hoạt thể hiện được nội dung truyện.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - Cả lớp theo dõi  - HS theo dõi  - Học sinh luyện đọc diễn cảm theo cặp.  - HS thi đọc diễn cảm | - Bốn học sinh đọc nối tiếp bài văn.  - Giáo viên HD cả lớp đọc diễn cảm 1 đoạn văn tiêu biểu để đọc diễn cảm.  - Luyện đọc theo cặp  - Thi đọc  - GV nhận xét - HS nghe |
| **5. Hoạt động ứng dụng:** (2phút) | |
| - Ca ngợi tinh thần dũng cảm, cao thượng của anh thương binh. | - Bài văn ca ngợi ai ? ca ngợi điều gì ? |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán: LUYỆN TẬP VỀ TÍNH DIỆN TÍCH *(****tiếp theo)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

-Tính được diện tích một số hình được cấu tạo từ các hình đã học.

- HS làm bài 1 .

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Thái độ**: HS yêu thích phần hình học của môn toán

**II. CHUẨN BỊ**

1. GV: Bảng phụ ghi số liệu như SGK (trang 104 - 105)
2. HS: SGK, vở

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| - HS hát  - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS hát  - Hãy nếu các bước tính diện tích một số hình được cấu tạo từ các hình đã học ?  - GVnhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)**  *\*Mục tiêu:* Tính được diện tích một số hình được cấu tạo từ các hình đã học.  *\*Cách tiến hành****:*** | |
| - HS quan sát  - Chia mảnh đất thành các hình cơ bản.  - Chia mảnh đất thành hình thang và hình tam giác  - Nối điểm A với điểm D ta có: Hình thang ABCD và hình tam giác ADE  - Phải tiến hành đo đạc  - Muốn tính được diện tích hình thang ta phải biết được chiều cao, độ dài hai cạnh đáy. Nên phải tiến hành đo chiều cao và hai cạnh đáy của hình thang tương tự, phải đo được chiều cao và đáy của tam giác  - Tính diện tích hình thang ABCD và hình tam giác ADE: Từ đó tính diện tích mảnh đất  - HS làm bài | *\* Cách tính diện tích các hình trên thực tế*  - GV gắn hình và giới thiệu  - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ và nêu  + Để tình được diện tích của hình chúng ta cần làm gì?  - Yêu cầu HS nêu cách chia  +Mảnh đất được chia thành những hình nào?  - GV vẽ nối vào hình đã cho theo câu trả lời của HS  C  B    A  E  D  N  M  + Muốn tính được diện tích của các hình đó, bước tiếp theo ta phải làm gì?  + Ta cần đo đạc những khoảng cách nào?  - Yêu cầu HS thực hiện tính  - Yêu cầu HS nhận xét. |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)***  *\*Mục tiêu:* HS làm bài 1.  *\*Cách tiến hành:* | |
| - HS đọc  - HS làm bài.  - HS chia sẻ  *Bài giải*  Độ dài của đoạn thẳng BG là:  63 + 28 = 91(m)  Diện tích hình tam giác BCG là:  91 x 30 ; 2 = 1365(m2)  Diện tích hình thang ABGD là:  ( 63 + 91) x 84 : 2 = 6468(m2)  Diện tích mảnh đất là:  1365 + 6468 = 7833(m2)  Đáp số: 7833(m2)  - HS tự làm bài vào vở  - Thực hiện tương tự như bài 1: Tính diện tích 2 hình tam giác và một hình thang sau đó cộng kết quả lại với nhau. | **Bài 1: *HĐ cá nhân***  - HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài  B  - GV nhận xét, kết luận    A  E  C  D  G  **Bài 2(Bài tập chờ): *HĐ cá nhân***  - Cho HS tự làm bài vào vở.  - GV hướng dẫn nếu cần thiết. |
| **4. Hoạt động ứng dụng**:(2phút) | |
| - HS nghe và thực hiện | - Chia sẻ kiến thức về tính diện tích một số hình được cấu tạo từ các hình đã học với mọi người. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Thứ năm ngày 27 tháng 01 năm 2022

**Tập làm văn:** **LẬP CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:** Biết lập được một chương trình hoạt động tập thể theo 5 hoạt động gợi ý trong sgk. (hoặc một hoạt động đúng chủ điểm đang học, phù hợp với thực tế địa phương).

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3.Phẩm chất:** Giáo dục ý thức biết hợp tác trong công việc.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.** GV: Bảng phụ

**2**.HS : SGK, vở viết

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS nêu  - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở | - Kiểm tra HS:  + HS1: nói lại tác dụng của việc lập chương trình hoạt động.  + HS2: nói lại cấu tạo của chương trình hoạt động.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:* Biết lập được một chương trình hoạt động tập thể theo 5 hoạt động gợi ý trong sgk. (hoặc một hoạt động đúng chủ điểm đang học, phù hợp với thực tế địa phương).  *\* Cách tiến hành:* | | |
| - 1 HS đọc to, lớp lắng nghe.  - HS đọc thầm lại yêu cầu và đọc cả 5 đề, chọn đề hoặc tự tìm đề.  - HS lần lượt nêu đề bài mình sẽ lập chương trình.  - 1 HS đọc to, lớp lắng nghe.  - 4 HS làm bài vào bảng nhóm. HS còn lại làm vào nháp.  - Một số HS đọc bài làm của mình.  - HS nghe | | - Cho HS đọc đề bài.  - GV nhắc lại yêu cầu:  + Các em đọc lại 5 đề bài đã cho  + Chọn 1 đề bài trong 5 đề bài đó và lập chương trình hoạt động cho đề bài các em đã chọn.  + Nếu không chọn 1 trong 5 đề bài, em có thể lập 1 chương trình cho hoạt  động của trường hoặc của lớp em.  - Cho HS nêu đề mình chọn.  - GV đưa bảng phụ đã viết cấu tạo ba phần của một chương trình hoạt động.  *\*Cho HS lập chương trình hoạt động*  - GV phát cho 4 HS 4 bảng nhóm  - Nhắc HS ghi ý chính. Viết chương trình hoạt động theo đúng trình tự. 1. Mục đích  2. Công việc- phân công  3. Tiến trình  - Ghi tiêu chí đánh giá chương trình hoạt động lên bảng - Học sinh làm bài  - Cho HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét và khen HS làm bài tốt.  - GV chọn bài tốt nhất trên bảng, bổ sung cho tốt hơn để HS tham khảo. |
| **3.Hoạt động ứng dụng**: (2 phút) | | |
| - HS nghe và thực hiện | | - Dặn HS lập chương trình hoạt động chưa tốt về nhà lập lại viết vào vở |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Luyện từ và câu:** **NỐI CÁC VỀ CÂU GHÉP BẰNG QUAN HỆ TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết thêm vế câu tạo thành câu ghép chỉ nguyên nhân – kết quả (chọn 2 trong số 3 câu ở BT4). **Không dạy phần nhân xét, ghi nhớ**

- Nhận biết được một số từ hoặc cặp quan hệ từ thông dụng; chọn được quan hệ từ thích hợp (BT3).

- **Không làm BT1, 2**

- HS (M3,4) giải thích được vì sao chọn quan hệ từ ở BT3.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ

- Học sinh: Vở viết, SGK

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS đọc  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho 2 HS lần lượt đọc lại đoạn văn đã viết ở tiết *Luyện từ và câu* trước.  - Gv nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Biết thêm vế câu tạo thành câu ghép chỉ nguyên nhân – kết quả (chọn 2 trong số 3 câu ở BT4). **Không dạy phần nhân xét, ghi nhớ**  - Nhận biết được một số từ hoặc cặp quan hệ từ thông dụng; chọn được quan hệ từ thích hợp (BT3).  - **Không làm BT1, 2**  - HS (M3,4) giải thích được vì sao chọn quan hệ từ ở BT3.  *\* Cách tiến hành:* | | |
| - 1 HS đọc to, lớp lắng nghe.  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả  a) Nhờ thời tiết thuận lợi nên lúa tốt.  + Do thời tiết thuận lợi nên lúa tốt.  + Bởi thời tiết thuận lợi nên lúa tốt.  b) Tại thời tiết không thuận nên lúa xấu.  - 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm.  - HS làm bài cá nhân.  - HS nối tiếp nhau đọc câu vừa tìm  a) Vì bạn Dũng không thuộc bài nên bị điểm kém.  b) Do nó chủ quan nên bị điểm kém.  c) Do chăm chỉ học bài nên Bích Vân đã có nhiều tiến bộ trong học tập. | | **Bài 3: *HĐ cá nhân***  - Cho HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS làm bài + trình bày kết quả.  - GV nhận xét + chốt lại ý đúng  - Yêu cầu HS giải thích vì sao lại chọn quan hệ từ đó  **Bài 4: *HĐ cá nhân***  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập  - Yêu cầu HS tự làm  - Cho HS trình bày kết quả  - GV nhận xét và chốt lại kết quả đúng |
| **3.Hoạt động ứng dụng**:(2 phút) | | |
| - HS nghe và thực hiện | | - Chia sẻ với mọi người về các quan hệ từ và cặp quan hệ từ thông dụng trong tiếng Việt. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán: LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: - Biết tìm một số yếu tố chưa biết của các hình đã học.

- HS làm bài 1, bài 3.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3.Phẩm chất:** Chăm chỉ học tập.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.**Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ

**2.** Học sinh: Sách giáo khoa, vở.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS thi viết  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS thi viết công thức tính diện tích các hình đã học.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:* - Biết tìm một số yếu tố chưa biết của các hình đã học.  - Vận dụng giải các bài toán có nội dung thực tế.  - HS làm bài 1, bài 3.  *\* Cách tiến hành:* | | |
| - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả  - Ta lấy diện tích của hình nhân 2 rồi chia cho chiều cao.  Bài giải  Độ dài cạnh đáy của hình tam giác:  (m)  Đáp số: m  - HS đọc yêu cầu  - HS thảo luận  - Độ dài sợi dây chính là chu vi của hình tròn (có đường kính 0,35m) cộng với 2 lần khoảng cách 3,1m giữa hai trục.  - Học sinh giải vào vở.  - Học sinh chữa bài- học sinh khác nhận xét.  Bài giải  Chu vi của hình tròn có đường kính:  0,35 m là: 0,35 x 3,14 = 1,099 (m)  Độ dài sợi dây là:  1,099 + 3,1 x 2 = 7,299 (m)  Đáp số: 7,299 m | | **Bài 1: *HĐ cá nhân***  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Cho HS làm bài cá nhân  - GV nhận xét, kết luận  - GV hỏi thêm HS:  + Khi biết diện tích hình tam giác và chiều cao của hình đó. Muốn tìm độ dài đáy ta làm thế nào?      **Bài 3: *HĐ cặp đôi***  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Cho HS thảo luận cặp đôi tìm cách làm  - Hướng dẫn học sinh nhận biết độ dài sợi dây chính là tổng độ dài của 2 nửa đường tròn cộng với 2 lần khoảng cách giữa 2 trục.  - Yêu cầu HS làm bài  - Giáo viên gọi học sinh lên chia sẻ  - Giáo viên nhận xét chữa bài. |
| **3.Hoạt động ứng dụng**:(2 phút) | | |
| - HS nêu: Người ta xây dựng cách tính diện tích hình thang từ các tính diện tích hình tam giác. | | - Nêu mối quan hệ giữa cách tính diện tích hình thang và cách tính diện tích hình tam giác. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT *(Tiết1)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Kể tên một số loại chất đốt

- Nêu ví dụ về việc sử dụng năng lượng chất đốt trong đời sống và sản xuất: Sử dụng năng lượng than đá, dầu mỏ, khí đốt trong nấu ăn, thắp sáng, chạy máy,...

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Thực hiện tiết kiệm năng lượng chất đốt

**\* Lồng ghép GDKNS :**

- Kĩ năng biết cách tìm tòi, xử lí, trình bày thông tin về việc sử dụng chất đốt.

- Kĩ năng bình luận, đánh giá về các quan điểm khác nhau về khai thác và sử dụng chất đốt.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.**GV: Bảng phụ, các hình minh hoạ trong SGK

2.HS : Nến, diêm, ô tô chạy pin có đèn và còi đủ cho các nhóm

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS trả lời  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS trả lời câu hỏi sau:  + Vì sao mặt trời là nguồn năng lượng chủ yếu của sự sống trên trái đất?  + Năng lượng mặt trời được dùng để làm gì?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Kể tên một số loại chất đốt  - Nêu ví dụ về việc sử dụng năng lượng chất đốt trong đời sống và sản xuất: Sử dụng năng lượng than đá, dầu mỏ, khí đốt trong nấu ăn, thắp sáng, chạy máy,...  *\* Cách tiến hành:* | | |
| - HĐ cặp đôi:  - HS nối tiếp nhau trả lời  + Những loại chất đốt như: than, củi, tre, rơm, rạ, dầu, ga…  - Thể rắn: Than, củi, tre, rơm rạ…  - Thể lỏng: Dầu  - Thể khí: ga  - HS quan sát tranh và trả lời  - HS cùng bạn trao đổi và thảo luận  - Có trong tự nhiên, nằm sâu trong lòng đất  - Người ta dựng các tháp khoan nơi có chứa dầu mỏ. Dầu mỏ được lấy lên theo các lỗ khoan của giếng  - …xăng, dầu hoả, dầu đi- ê- ren, dầu nhờn, nước hoa tơ sợi nhân tạo, nhiều loại chất dẻo  - …chạy các loại động cơ. Dầu được sử dụng để chạy máy, các loại động cơ, làm chất đốt và thắp sáng  - Dầu mỏ được khai thác chủ yếu ở Biển Đông  - Có hai loại khí đốt là khí tự nhiên và khí sinh học  - …có sẵn trong tự nhiên, con người lấy ra từ các mỏ  - Người ta ủ chất thải, phân súc vật, mùn rác vào trong các bể chứa. Các chất trên phân huỷ tạo ra khí sinh học. | | ***\*Hoạt động 1****: Một số loại chất đốt*  + Em biết những loại chất đốt nào?  + Em hãy phân loại chất đốt đó theo 3 loại: thể rắn, thể lỏng, thể khí  + Quan sát hình minh hoạ 1, 2, 3 trang 86 và cho biết: Chất đốt nào đang được sử dụng? Chất đốt đó thuộc thể gì?  ***\* Hoạt động 2:*** *Công dụng của than đá và việc khai thác than đá*  - GV nêu: Than đá là loại chất đốt dùng nhiều trong đời sống con người và trong công ngiệp….  - Yêu cầu HS làm việc cặp đôi, trao đổi và trả lời 3 câu hỏi trong SGK trang 86  + Than đá được sử dụng vào những việc gì?  + Ở nước ta, than đá được khai thác ở đâu?  + Ngoài than đá còn có loại than nào khác không?  - GV chỉ vào tranh giải thích cách khai thác  ***\* Hoạt động 3:*** *Công dụng của dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ*  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trang 87 SGK và thảo luận trả lời các câu hỏi sau  + Dầu mỏ có ở đâu?  + Người ta khai thác dầu mỏ như thế nào?  + Những chất nào có thể lấy ra từ dầu mỏ?  + Xăng được sử dụng vào những việc gì?  + Nước ta, dầu mỏ được khai thác ở đâu?  - GV kết luận  ***\* Hoạt động 4:*** *Công dụng của chất đốt ở thể khí và việc khai thác*  - GV tổ chức HS đọc thông tin trong SGK tìm hiểu về việc khai thác các loại khí đốt, thảo luận rồi trả lời  + Có những loại khí đốt nào?  + Khí đốt tự nhiên được lấy từ đâu?  + Người ta làm thế nào để tạo ra khí sinh học?  - GV dùng tranh minh hoạ 7, 8 để giải thích cho HS hiểu cách tạo ra khí sinh học hay còn gọi là khí bi- ô- ga  - GV kết luận về tác dụng của các loại khí đốt trong nấu ăn, thắp sáng, chạy máy… |
| **3.Hoạt động ứng dụng**:(2 phút) | | |
| - HS nghe và thực hiện | | - Về nhà chia sẻ với mọi ngườicần sử dụng tiết kiệm năng lượng chất đốt nhằm bảo vệ tài nguyên bảo vệ môi trường. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Địa lí :* CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG CỦA VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết Trung Quốc có số dân đông nhất thế giới, nền kinh tế đang phát triển mạnh với nhiều ngành công nghiệp hiện đại.

- Biết sơ lược đặc điểm địa hình và tên những sản phẩm chính của nền kinh tế Cam-pu-chia và Lào:

+ Lào không giáp biển, địa hình phần lớn là núi và cao nguyên; Cam-pu-chia có địa hình chủ yếu là đồng bằng dạng lòng chảo.

+ Cam-pu-chia sản xuất và chế biến nhiều lúa gạo, cao su, hồ tiêu, đường, thốt nốt, đánh bắt nhiều cá nước ngọt; Lào sản xuất quế, cánh kiến, gỗ và lúa gạo.

- HS (M3,4): Nêu được những điểm khác nhau của Lào và Cam-pu-chia về vị trí địa lí và địa hình.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn

**3. Phẩm chất:** Giáo dục ý thức đoàn kết với nước bạn.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.**GV: Bản đồ các nước châu Á.

**2.** HS: SGK, vở

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| - HS hát  - HS chỉ  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS hát bài*"Trái đất này là của chúng mình"*  - GV treo lược đồ các nước châu Á và nêu yêu cầu HS chỉ và nêu tên các nước có chung đường biên giới trên đất liền với nước ta.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)**  *\* Mục tiêu:* - Biết Trung Quốc có số dân đông nhất thế giới, nền kinh tế đang phát triển mạnh với nhiều ngành công nghiệp hiện đại.  - Biết sơ lược đặc điểm địa hình và tên những sản phẩm chính của nền kinh tế Cam-pu-chia và Lào  *\* Cách tiến hành:* | |
| - HS thảo luận nhóm 3  - Cam pu chia nằm trên bán đảo Đông Dương, trong khu vực ĐNA, phía bắc giáp Lào, Thái Lan, phía Đông giáp với VN, phía Nam giáp với biển và phía Tây giáp với Thái Lan  - Thủ đô Cam- pu- chia là Phnôm Pênh  - Địa hình Cam- pu –chia tương đối bằng phẳng, đồng bằng chiếm đa số diện tích, chỉ có một phần nhỏ là đồi núi thấp có độ cao từ 200 dến 500m  - Tham gia sản xuất nông nghiệp là chính. Các sản phẩm chính của ngành nông nghiệp là lúa gạo, hồ tiêu, đánh bắt nhiều cá nước ngọt.  - Vì giữa Cam –pu- chia là Biển Hồ, đây là hồ chứa nước ngọt lớn như biển có lượng cá tôm nước ngọt rất lớn  - Dân Cam-pu –chia chủ yếu là theo đạo phật, Có rất nhiều đền chùa đẹp, tạo nên phong cảnh đẹp hấp dẫn khách du lịch  - HS trình bày kết quả thảo luận  - Thực hiện tương tự như hoạt động 1  - Lào nằm trên bán đảo Đông dương, trong khu vực ĐNA phía Bắc giáp TQ, phía Đông và Đông Bắc giáp với VN. phía Nam giáp Căm- pu- chia , phía Tây giáp với Thái Lan , phía Tây Bắc giáp với Mi- an-ma, nước Lào không giáp biển  - Thủ đô Lào là Viêng Chăn  - Địa hình chủ yếu là đồi núi và cao nguyên  - Các sản phẩm chính của Lào là quế, cánh kiến, gỗ quý và lúa gạo  - Người dân Lào chủ yếu theo đạo phật  - TQ nằm trong khu vực ĐNA. TQ có chung biên giới với nhiều nước: Mông Cổ, Triều Tiên, Liên Bang Nga, VN. Lào, Mi –a –ma, Ấn Độ…  - Thủ đô TQ là Bắc Kinh.  - TQ có diện tích lớn, dân số đông nhất thế giới.  - Từ xưa đất nước Trung Hoa đã nổi tiếng với chè, gốm sứ. tơ lụa. Ngày nay, kinh tế Trung Quốc rất phát triển. Các sản phẩm như máy móc, thiết bị, ô tô, đồ chơi điện tử, hàng may mặc…của Trung Quốc đã xuất khẩu sang nhiều nước  - Đây là công trình kiến trúc đồ sộ, được xây dựng bắt đầu từ thời Tần Thuỷ Hoàng( trên hai ngàn năm) …  - HS trình bày tranh ảnh thông tin mà nhóm mình sưu tầm được  - HS thi kể | ***Hoạt động 1****: Cam- pu- chia*  - Cho HS thảo luận nhóm  - Em hãy nêu vị trí địa lí của Căm -pu- chia?  - Chỉ trên lược đồ và nêu tên thủ đô Cam - pu- chia?  - Nêu nét nổi bật của địa hình Cam - pu chia?  - Dân cư Cam –pu –chia tham gia sản xuất trong ngành gì là chính? Kể tên các sản phẩm chính của ngành này?  - Vì sao Cam –pu- chia đánh bắt được nhiều cá nước ngọt?  - Mô tả kiến trúc Ăng- co Vát và cho biết tôn giáo chủ yếu của người dân Cam- pu -chia?  - Yêu cầu HS trình bày kêt qủa thảo luận nhóm.  + Kết luận: *Cam –pu –chia nằm ở ĐNA, giáp biên giới Việt Nam. Kinh tế Cam-pu –chia đang chú trọng phát triển nông nghiệp, và công nghiệp chế biến nông sản.*  ***Hoạt động 2:*** *Lào*  - Em hãy nêu vị trí của Lào?  - Chỉ trên lược đồ và nêu tên thủ đô Lào?  - Nêu nét nổi bật của địa hình Lào?  - Kể tên các sản phẩm của Lào?  - Mô tả kiến trúc Luông Pha- băng. Người dân Lào chủ yếu theo đạo gì?  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả  \* Kết luận: *Lào không giáp biển, có diện tích rừng lớn, là một nước nông nghiệp, ngành công nghiệp lào đang được chú trọng và phát triển*  ***Hoạt động 3:*** *Trung Quốc*  -Hãy nêu vị trí địa lí của TQ?  - Chỉ trên lược đồ và nêu tên thủ đô của TQ?  - Em có nhận xét gì về diện tích và dân số nước TQ?  - Kể tên các sản phẩm TQ?  - Em biết gì về Vạn Lí Trường Thành?  - Yêu cầu HS trình bày kết quả  - GV theo dõi bổ sung  - GVkết luận:  ***Hoạt động 4:*** *Thi kể về các nước láng giềng của Việt Nam*  - GV chia lớp thành 3 nhóm dựa vào tranh ảnh thông tin mà các em đã sưu tầm được  + Nhóm Lào: Sưu tầm tranh ảnh thông tin về nước Lào  + Nhóm Cam -pu – chia: Sưu tầm tranh ảnh thông tin về nước Cam- pu - chia  + Nhóm Trung Quốc: Sưu tầm tranh ảnh thông tin về nước Trung Quốc  - Cho HS thi kể về các nước |
| **3.Hoạt động ứng dụng**:(2 phút) | |
| - HS nêu | - Các nước láng giềng của Việt Nam có vai trò gì đối với sự phát triển kinh tế của nước ta ? |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán: HÌNH HỘP CHỮ NHẬT - HÌNH LẬP PHƯƠNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Có biểu tượng về hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Biết các đặc điểm của các yếu tố của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- HS làm bài 1, bài 3.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:** Giáo dục tính cẩn thận, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.** GV: Một số hình hộp chữ nhật và hình lập phương có kích thước khác nhau, có thể khai triển được (bộ đồ dùng dạy-học nếu có)

2.HS: Vật thật có dạng hình hộp chữ nhật và hình lập phương (bao diêm, hộp phấn)

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| - HS thi đua  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS thi đua:  + Phát biểu quy tắc tính chu vi và diện tích hình tròn.  + Viết công thức tính chu vi và diện tích hình tròn.  - GV nhận xét kết luận  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)**  *\*Mục tiêu:*  - Nhận biết được các đồ vật trong thực tế có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  - Có biểu tượng về hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  - Biết các đặc điểm của các yếu tố của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  *\*Cách tiến hành****:*** | |
| - HS lắng nghe, quan sát  - HS lên chỉ  - HS thao tác  - HS lắng nghe  - HS quan sát  -HS nghe  - Hình lập phương có 6 mặt, 8 đỉnh ,12 cạnh, các mặt đều là hình vuông bằng nhau  - HS thao tác  - Các cạnh đều bằng nhau  - Đều là hình vuông bằng nhau | *Hình thành một số đặc điểm của hình hộp chữ nhật và hình lập phương và một số đặc điểm của chúng*  ***\*Hình hộp chữ nhật***  - Giới thiệu một số vật có dạng hình hộp chữ nhật, ví dụ: bao diêm, viên gạch ...  - Gọi 1 HS lên chỉ tên các mặt của hình hộp chữ nhật.  - Gọi 1 HS lên bảng mở hình hộp chữ nhật thành hình khai triển (như SGK trang 107).  - GV vừa chỉ trên mô hình vừa giới thiệu Chiều dài, chiều rộng, và chiều cao.  - Gọi 1 HS nhắc lại  - Yêu cầu HS tự nêu tên các đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật.  ***\*Hình lập phương***  - GV đưa ra mô hình hình lập phương  - *Giới thiệu:* Trong thực tế ta thường gặp một số đồ vật như con súc sắc, hộp phấn trắng (100 viên) có dạng hình lập phương.  + Hình lập phương gồm có mấy mặt? Bao nhiêu đỉnh và bao nhiêu cạnh?  - Đưa cho các nhóm hình lập phương (yêu cầu HS làm theo các cặp) quan sát, đo kiểm tra chiều dài các cạnh (khai triển hộp làm bằng bìa).  - Yêu cầu HS trình bày kết quả đo. |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)***  *\*Mục tiêu:* HS làm bài 1, bài 3.  (Lưu ý: *Nhắc nhở nhóm HS M1,2 hoàn thành các bài tập theo yêu cầu)*  *\*Cách tiến hành:* | |
| - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài, chia sẻ kết quả  - Hình hộp chữ nhật và hình lập phương có 6 mặt, 12 cạnh và 8 đỉnh. Số mặt, số cạnh và số đỉnh giống nhau.  - 1 HS đọc  - Hình A là hình hộp chữ nhật  - Hình C là hình lập phương  - Hình A có 6 mặt đều là hình chữ nhật, 8 đỉnh, 12 cạnh nhưng số đo các kích thước khác nhau. | **Bài 1: *HĐ cá nhân***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở  - GV nhận xét, đánh giá. Yêu cầu HS nêu lại các đặc điểm của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  **Bài 3: *HĐ cá nhân***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS quan sát, nhận xét và chỉ ra hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  - Yêu cầu HS giải thích kết quả (nêu đặc điểm của mỗi hình đã xác định) |
| **4. Hoạt động ứng dụng**:(2phút) | |
| - HS nêu | - Nhận xét điểm giống và khác nhau của hình hộp chữ nhật và hình lập phương. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Thứ sáu ngày 28 tháng 01 năm 2022

**Tập làm văn**: **TRẢ BÀI VĂN TẢ NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Rút được kinh nghiệm về cách xây dựng bố cục, quan sát và lựa chọn chi tiết, trình tự miêu tả; diễn đạt, trình bày trong bài văn tả người.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3.Phẩm chất:** Giáo dục Hs có ý thức thể hiện tình cảm với người được tả.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.** GV: Bảng phụ ghi 3 đề bài kiểm tra + ghi một số lỗi chính tả HS mắc phải.

**2.**HS : SGK, vở viết

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS đọc  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho 2 HS lần lượt đọc lại chương trình hoạt động đã làm ở tiết *Tập làm văn* trước  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động nhận xét và sửa lỗi bài văn:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Rút được kinh nghiệm về cách xây dựng bố cục, quan sát và lựa chọn chi tiết, trình tự miêu tả; diễn đạt, trình bày trong bài văn tả người.  - Biết sửa lỗi và viết lại một đoạn văn cho đúng, hoặc viết lại một đoạn văn cho hay hơn.  *\* Cách tiến hành:* | | |
| - 1 HS đọc lại 3 đề bài  - HS lắng nghe  - HS nhận bài, xem lại những lỗi mình mắc phải.  - Lần lượt một số HS lên chữa từng lỗi trên bảng. HS còn lại tự chữa trên nháp.  - Lớp nhận xét phần chữa lỗi trên bảng  - HS đổi vở cho nhau để sửa lỗi.  - HS lắng nghe và trao đổi về cái hay, cái đẹp của đoạn, của bài.  - HS nghe | | **\****Nhận xét chung về kết quả của cả lớp*  - GV đưa bảng phụ đã ghi 3 đề bài của tiết kiểm tra viết ở tuần trước.  - GV nhận xét chung về kết quả của cả lớp  - Ưu điểm:  *+ Xác định đúng đề bài*  *+ Viết đúng chính tả, đúng ngữ pháp.*  - Tồn tại: (VD)  *+ Một số bài bố cục chưa chặt chẽ*  *+ Còn sai lỗi chính tả*  *+ Còn sai dùng từ, đặt câu*  *\* Hướng dẫn HS chữa bài*  + *Hướng dẫn HS chữa lỗi chung*  - GV đưa bảng phụ đã viết sẵn các loại lỗi HS mắc phải.  - GV trả bài cho HS.  - Cho HS lên chữa lỗi trên bảng phụ  - GV nhận xét và chữa lại những lỗi HS viết sai trên bảng bằng phấn màu.  + *Hướng dẫn HS sửa lỗi trong bài*  - Cho HS đổi vở cho nhau để sửa lỗi.  - GV theo dõi, kiểm tra HS làm việc.  + H*ướng dẫn HS học tập những đoạn văn, bài văn hay.*  - GV đọc những đoạn văn, bài văn hay.  - Yêu cầu HS viết lại đoạn văn cho đúng hoặc hay hơn |
| **3.Hoạt động ứng dụng**:(2 phút) | | |
| - Chia sẻ với mọi người về bố cục bài văn tả người. | | - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**-------------------------------------------------------**

**Toán: DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ DIỆN TÍCH TOÀN PHẦN CỦA HÌNH HỘP CHỮ NHẬT**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

- Có biểu tượng về diện tích xunh quanh, diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.

- Biết tính diện tích xunh quanh, diện tích hình hộp chữ nhật.

- HS làm bài 1.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3.Phẩm chất:** Giáo dục Hs tính chính xác, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.** GV:

+ Một số hình hộp chữ nhật có thể khai triển được.

+Bảng phụ có vẽ hình khai triển

**2.** HS: SGK, vở

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức trò chơi với câu hỏi:  + Kể tên một số vật có hình dạng lập phương? Hình chữ nhật?  + Nêu đặc điểm của hình lập phương, hình chữ nhật?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)**  *\*Mục tiêu:*  - Có biểu tượng về diện tích xunh quanh, diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.  - Biết tính diện tích xunh quanh, diện tích hình hộp chữ nhật.  *\*Cách tiến hành****:*** | |
| - Cho HS tự tìm hiểu biểu tượng về hình hộp chữ nhật sau đó chia sẻ kết quả  - 6 mặt.  - HS quan sát.  - Hình chữ nhật  - HS lắng nghe  - Mặt 1 bằng mặt 2; mặt 4 bằng mặt 6; mặt 3 băng mặt 5.  - Nêu tên 12 cạnh: AB, BC, AM, MN, NP, PQ, QM  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại  - HS thực hiện rồi rút ra cách tính S xung quanh và S toàn phần của hình hộp chữ nhật. | ***\* Hoạt động 1:*** *Củng cố biểu tượng về hình hộp chữ nhật*  - GV KL kiến thức:  + Hình hộp chữ nhật gồm mấy mặt?  - GV chỉ vào hình và giới thiệu: Đây là hình hộp chữ nhật. Tiếp theo chỉ vào 1 mặt, 1 đỉnh, 1 cạnh giới thiệu tương tự.  + Các mặt đều là hình gì?  - Gắn hình sau lên bảng (hình hộp chữ nhật đã viết số vào các mặt).  - Vừa chỉ trên mô hình vừa giới thiệu: Mặt 1 và mặt 2 là hai mặt đáy; mặt 3, 4, 5, 6 là các mặt bên.  + Hãy so sánh các mặt đối diện?  + Hình hộp chữ nhật gồm có mấy cạnh và là những cạnh nào?  - *Giới thiệu:* Hình hộp chữ nhật có 3 kích thước: Chiều dài, chiều rộng, và chiều cao.  - GV kết luận: Hình hộp chữ nhật có 6 mặt đều là hình chữ nhật. Các mặt đối diện bằng nhau; có 3 kích thước là chiều dài, chiều rộng và chiều cao. Có 8 đỉnh và 12 cạnh.  - Gọi 1 HS nhắc lại  \* Hướng dẫn HS làm các bài toán như SGK |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)***  *\*Mục tiêu:* HS làm bài 1.  *\*Cách tiến hành:* | |
| - HS đọc  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ trước lớp  *Giải*  Diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật là  ( 5+ 4) x 2 x 3 = 54(dm)  Diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật là  54 +2 x (4 x5 ) = 949(dm)  Đáp số: Sxq: 54m  Stp :949m  - HS tự làm bài vào vở  - HS chia sẻ kết quả  Bài giải  Diện tích xung quanh của hình tôn là:  (6 + 4) x2 x 9 = 180(dm2)  Diện tích đáy của thùng tôn là:  6 x 4 = 24(dm2)  Thùng tôn không có nắp nên diện tích tôn để làm thùng là:  180 + 24 = 204(dm2)  Đáp số: 204 dm2 | **Bài 1: *HĐ cá nhân***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở  - GV nhận xét chữa bài. Yêu cầu HS nêu lại cách tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.    **Bài 2(Bài tập chờ): HĐ cá nhân**  - Cho HS tự làm bài vào vở.  - Cho HS chia sẻ kết quả trước lớp  - GV nhận xét, kết luận |
| **4. Hoạt động ứng dụng**:(2 phút) | |
| - HS nghe và thực hiện | - Chia sẻ với mọi người về cách tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Sinh hoạt lớp: NHẬN XÉT CÁC HOẠT ĐỘNG TUẦN 21**

**I. MỤC TIÊU:**

Giúp HS:

- Nhận biết được ưu nhược điểm của mình và của bạn trong tuần qua .

- Có ý thức khắc phục nhược điểm và phát huy những ưu điểm.

- Nắm được nhiệm vụ tuần 22.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: lớp trưởng và các tổ trưởng chuẩn bị nội dung.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS hát tập thể 1 bài.  - 3 tổ trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.  - Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.  - Theo dõi, góp ý   * Các tổ trưởng góp ý, nêu kế hoạch   Lớp trưởng tổng kết | ***Hoạt động 1:*** *Khởi động*  - Lớp hát đồng ca  ***Hoạt động 2:*** *Sinh hoạt lớp*  Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:  - 3 tổ trư­­ởng lên nhận xét hoạt động của dãy trong tuần qua.  - Các Trưởng ban Học tập, Nề nếp, Sức khỏe – Vệ sinh, Văn nghệ - TDTT báo cáo về hoạt động của Ban.  - Lớp trưởng lên nhận xét chung, xếp loại thi đua các dãy. Đề nghị danh sách tuyên dương, phê bình thành viên của lớp.  - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương, hư­ớng dẫn HS cách sửa chữa khuyết điểm.  ***Hoạt động 3:*** *Kế hoạch tuần 22*  - Ổn định nề nếp học tập và các hoạt động ngoài giờ  - Tiếp tục thi đua dạy tốt- học tốt  - Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.  - Tham gia tích cực các phong trào do nhà trường, Đội tổ chức.  ***Hoạt động 4:*** *Sinh hoạt theo chủ điểm* |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………